

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	Chủ đầu tư là: Công ty Công nghiệp Hoá chất mỏ Quảng Ninh Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 25 khu phố Hà Khánh 4, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh;
E-ĐKC 1.7	Công trình bao gồm: Đầu tư hệ thống PCCC khu văn phòng Công ty. Thuộc dự án: Đầu tư hệ thống PCCC khu văn phòng Công ty.
E-ĐKC 1.10	Địa điểm Công trường tại Tổ 25 khu phố Hà Khánh 4, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh. Được xác định trong Bản vẽ số: Chi tiết tại bản vẽ thiết kế thi công được phê duyệt
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: ____ <i>[ghi ngày]</i>
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: ____ <i>[ghi ngày]</i> . <i>[Nếu quy định các ngày khác nhau để hoàn thành các phần Công trình (“hoàn thành từng phần” hoặc các mốc hoàn thành) thì phải liệt kê toàn bộ ở đây].</i>
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: ____ <i>[ghi ngày]</i> .
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i> .
E-ĐKC 1.29	- Tư vấn quản lý dự án: ____ <i>[ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có]</i> ;

	- Tư vấn giám sát là: _____ [<i>ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát</i>]; ...
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: ____ [<i>Chủ đầu tư điền</i>]
E-ĐKC 2.3(i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: _____ [<i>liệt kê tài liệu</i>].
E-ĐKC 5.2	- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng. - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến <i>khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.</i> - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i>Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 07 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định</i>
E-ĐKC 8.2(d)	Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 3 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.
E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 3 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường

E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 3 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 3 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT]</i> .
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 30% giá hợp đồng <i>[Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT]</i> .
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Trường hợp nhà thầu chính đề xuất sử dụng nhà thầu phụ (trong hoặc ngoài danh sách của HSDT), nhà thầu chính phải báo cáo Chủ đầu tư xem xét chấp thuận. Trong trường hợp sử dụng thầu phụ vượt quá 30% giá hợp đồng phải có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận.
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu.
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình là: 12 tháng, kể từ ngày công trình được bàn giao đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: theo hồ sơ thiết kế BVTC của công trình.
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Ngày bàn giao mặt bằng thi công công trình.
E-ĐKC 27.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: Tối đa là 28 ngày Giải quyết tranh chấp:

	- Tôn trọng các thỏa thuận hợp đồng và các cam kết trong quá trình thực hiện hợp đồng, bảo đảm bình đẳng và hợp tác; - Các bên hợp đồng có trách nhiệm tự thương lượng giải quyết tranh chấp. Trường hợp các bên hợp đồng không tự thương lượng được thì tranh chấp được giải quyết thông qua hòa giải, trọng tài thương mại hoặc tòa án theo quy định của pháp luật.
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	- Ngày khởi công: Chậm nhất 03 ngày kể từ ngày chủ đầu tư bàn giao mặt bằng thi công cho nhà thầu. - Ngày hoàn thành dự kiến: 60 ngày kể từ ngày khởi công
E-ĐKC 29.1	- Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 7 từ ngày ký Hợp đồng. - Nhà thầu phải lập biểu tiến độ thi công chi tiết cho toàn bộ các hạng mục công việc theo thiết kế BVTC được duyệt cho mỗi 10 ngày và kế hoạch giải ngân cho mỗi tháng đến khi hoàn thành cho mỗi phạm vi mặt bằng được bàn giao trong vòng 03 ngày kể từ ngày được bàn giao phạm vi mặt bằng đó. Tiến độ thi công cho mỗi phạm vi mặt bằng được bàn giao phải phù hợp với tiến độ thi công tổng thể của cả gói thầu.
E-ĐKC 29.4	- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: Hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 20.000.000 đồng.
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: _____ <i>[ghi các trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng khác (nếu có)].</i>
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Vật tư, máy móc, thiết bị: Nhà thầu phải cung cấp vật liệu, máy móc, thiết bị thi công, các thiết bị thí nghiệm kiểm định chất

	lượng công trình và các điều kiện vật chất liên quan khác đủ số lượng và chủng loại theo đúng yêu cầu của E-HSMT.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Trọn gói
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: Cố định
E-ĐKC 42.1	a) Tạm ứng: Sau khi hợp đồng có hiệu lực, có biên bản bàn giao mặt bằng và dự án được bố trí kế hoạch vốn năm, Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu, trước khi tạm ứng Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (theo mẫu của HSMT hoặc mẫu được Chủ đầu tư chấp thuận) với giá trị tương đương giá trị được tạm ứng. - Mức tạm ứng: 20% giá trị hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực; Nhà thầu có biểu tiến độ tổng thể huy động máy móc, thiết bị, nhân sự, lán trại được chấp thuận; Có biên bản bàn giao mặt bằng (toàn phần hoặc từng phần); Nhà thầu có kế hoạch huy động máy móc, thiết bị, vật tư, vật liệu, nhân lực và Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh tạm ứng. - Nhà thầu phải sử dụng tiền tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả như: mua vật liệu, huy động máy móc thiết bị, nhân công, chi phí tài chính phục vụ dự án và các chi phí cần thiết khác cho việc thực hiện Hợp đồng. - Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng hợp đồng được tính từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng cho đến ngày Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền Nhà thầu đã tạm ứng. b) Thu hồi tạm ứng: - Việc tính toán, thu hồi dần tiền tạm ứng được thực hiện sau khi Nhà thầu đã nhận được tiền tạm ứng. - Việc thu hồi tạm ứng được thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023: Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán. Tỷ lệ giảm trừ sẽ dựa trên khối lượng hoàn thành được nghiệm thu của từng đợt thanh toán, tỷ lệ giảm trừ tối thiểu là 10% giá trị đợt thanh toán đó và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị giải ngân (bao

	gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) đạt 80% giá trị hợp đồng đã ký. - Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt Hợp đồng (tùy từng trường hợp), khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư. Trường hợp Nhà thầu không hoàn trả, Chủ đầu tư sẽ thu hồi thông qua Bảo lãnh tạm ứng. - Trường hợp Nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích, không đúng đối tượng, Chủ đầu tư sẽ thu hồi số tiền tạm ứng này. Trường hợp Nhà thầu thực hiện chậm tiến độ 2 Quý liên tiếp hoặc chậm tiến độ theo năm, Chủ đầu tư sẽ xem xét tăng mức thu hồi tạm ứng trong các đợt thanh toán hoặc thu hồi hết giá trị tạm ứng trong đợt thanh toán tiếp theo. c) Nhà thầu phải sử dụng tiền tạm ứng theo đúng quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP. Tiền tạm ứng chỉ được sử dụng cho việc trả lương cho người lao động, mua hoặc huy động thiết bị, nhà xưởng, vật tư, nhân công, chi phí tài chính phục vụ dự án và các chi phí huy động cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng.
E-ĐKC 44.1	Phương thức thanh toán: 1. Thanh toán: a) Giá thanh toán: Theo đơn giá hợp đồng hoặc đơn giá sau điều chỉnh (nếu có) b) Cơ sở thực hiện thanh toán: - Các bên liên quan tổ chức nghiệm thu xác định khối lượng hoàn thành làm cơ sở thanh toán. Khối lượng thanh toán phải phù hợp với hồ sơ nghiệm thu công việc hoàn thành tương ứng. - Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu nhân với đơn giá hợp đồng hoặc đơn giá đã điều chỉnh (nếu có). c) Nguyên tắc thanh toán: - Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu khi dự án được bố trí vốn.

	- Chủ đầu tư thanh toán từng lần cho Nhà thầu sau khi đã trừ đi tiền tạm ứng - Khi thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành), Chủ đầu tư sẽ giữ lại 5% giá trị nghiệm thu thanh toán để bảo hành công trình theo quy định hoặc nhà thầu cung cấp thư bảo lãnh bảo hành có giá trị tương đương. d) Số lần thanh toán: Quá trình thực hiện, các Bên có thể tự quyết định số lần thanh toán cho phù hợp với tình hình thực tế thực hiện và kế hoạch vốn được giao. 2. Thời hạn thanh toán - Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 60 ngày làm việc (trong điều kiện dự án được bố trí đủ vốn), kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu. 3. Hồ sơ thanh toán: Khi có khối lượng hoàn thành, Nhà thầu nộp 8 bộ hồ sơ thanh toán cho Chủ đầu tư sau khi hoàn thành công việc và hoàn tất các hồ sơ: - Văn bản hợp đồng của gói thầu. - Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư, đại diện nhà tư vấn và đại diện Nhà thầu theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng. - Bảng xác định giá trị điều chỉnh giá được tính theo từng tháng có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư, đại diện nhà thầu tư vấn và đại diện Nhà thầu theo quy định (nếu có). - Hóa đơn GTGT. - Đề nghị thanh toán của nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng. 4. Cam kết việc sử dụng vốn thi công dự án đúng mục đích: - Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu, Nhà thầu (Nhà thầu độc lập) cùng Ngân hàng (Nơi Nhà thầu mở tài khoản nhận khoản tiền tạm ứng và thanh toán) sẽ ký hợp đồng quản lý tài khoản vốn chuyên dụng (tài khoản chuyên chi) với Chủ đầu tư để quản lý các khoản tạm ứng hợp đồng vượt mức tạm ứng tối thiểu (10%), khoản tạm ứng cho việc sản xuất các cấu kiện, bán thành phẩm có giá trị lớn và một
--	--

	số vật liệu dự trữ theo mùa; không áp dụng tài khoản chuyên chi đối với tạm ứng 10% lần đầu và thanh toán khối lượng công việc hoàn thành của hợp đồng. 5. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản
E-ĐKC 45	Điều chỉnh thuế: Được phép Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán: Khi thanh toán (bao gồm cả tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành), Chủ đầu tư sẽ giữ lại 5% giá trị nghiệm thu thanh toán để bảo hành công trình theo quy định. Thanh toán tiền bị giữ lại: + Đối với tiền giữ lại để bảo hành công trình: Chủ đầu tư sẽ giữ lại 5% giá trị nghiệm thu thanh toán để bảo hành công trình theo quy định hoặc nhà thầu cung cấp thư bảo lãnh bảo hành có giá trị tương đương. Tiền giữ lại bảo hành công trình sẽ được hoàn trả cho Nhà thầu khi Nhà thầu thực hiện xong nghĩa vụ bảo hành theo hợp đồng hoặc khi Nhà thầu nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh để thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình. Bảo lãnh bảo hành phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang và có giá trị đến khi Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu đã thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định và phải được Chủ đầu tư chấp thuận.
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: a) Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp: - Thay đổi thông tin của các chủ thể trong hợp đồng; - Thay đổi về thiết kế; bổ sung hạng mục công việc, vật tư, thiết bị hoặc dịch vụ cần thiết ngoài khối lượng công việc phải

	thực hiện theo thiết kế và ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng; - Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng. - Trường hợp khác (nếu có). b) Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng. c) Trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng, Nhà thầu phải đưa khối lượng công việc được bổ sung vào Bảng tiến độ thi công chi tiết.
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 % giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: Nhà thầu phải chịu mức phạt 0,1% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày vi phạm chậm tiến độ nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm; căn cứ tiến độ thi công chi tiết của hợp đồng, trường hợp chậm tiến độ do lỗi của Nhà thầu, Chủ đầu tư giữ lại khoản tiền tương ứng với mức phạt đã quy định trong kỳ thanh toán gần nhất; đồng thời yêu cầu Nhà thầu có biện pháp để đẩy nhanh tiến độ thi công, bù đắp thời gian bị chậm. Đối với những khối lượng thi công chậm tiến độ do lỗi của Nhà thầu sẽ không được tính điều chỉnh giá. Khi kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Nhà thầu vi phạm thời gian hoàn thành theo hợp đồng đã ký, khoản tiền giữ lại tại các kỳ thanh toán nêu trên do Nhà thầu vi phạm hợp đồng sẽ không được hoàn trả tương ứng với thời gian Nhà thầu vi phạm (bị chậm) so với thời gian hoàn thành theo quy định của hợp đồng. Trường hợp vi phạm dẫn đến phải chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu bị chấm dứt hợp đồng sẽ bị đánh giá không hoàn thành hợp đồng. - Những thiệt hại này sẽ chỉ là những thiệt hại do Nhà thầu đền bù vì lỗi gây ra, chứ không phải là việc chấm dứt hợp đồng trước khi hoàn thành công trình. Những thiệt hại này không làm

	giảm nhẹ đi cho Nhà thầu nghĩa vụ hoàn thành công trình hoặc bất cứ trách nhiệm, nhiệm vụ nào theo như trong hợp đồng; - Vi phạm kỹ thuật và chất lượng công trình: Nhà thầu phải bồi thường toàn bộ chi phí sửa chữa, hoặc làm lại phần công trình bị hư hỏng và các giá trị thiệt hại khác có liên quan; - Đối với phạm vi mặt bằng sạch đã được Chủ đầu tư bàn giao cho Nhà thầu nhưng Nhà thầu triển khai chậm không đáp ứng tiến độ và Chủ đầu tư đã có văn bản đôn đốc thực hiện nhưng Nhà thầu vẫn triển khai chậm hoặc 10 ngày liên tục không thực hiện công việc thì Nhà thầu sẽ bị phạt 12% giá trị hợp đồng đối tương ứng với phạm vi mặt bằng đó. Sau 10 ngày kể từ ngày bị phạt mà Nhà thầu không có biện pháp thi công bù khối lượng bị chậm cũng như đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công việc theo hồ sơ thiết kế thì Chủ đầu tư sẽ cảnh báo bằng văn bản, văn bản cảnh báo này sẽ là cơ sở để xem xét xử lý đơn phương chấm dứt hợp đồng. - Tiền phạt sẽ được giữ lại vào các kỳ thanh toán của Nhà thầu; - Trong quá trình triển khai các vi phạm của Nhà thầu: Về chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, sử dụng nhà thầu phụ không đúng quy định, chậm hồ sơ hoàn công, hồ sơ thanh quyết toán... sẽ bị Chủ đầu tư cảnh báo bằng văn bản, các văn bản cảnh báo này sẽ là cơ sở để xem xét xử lý vi phạm hợp đồng
E-ĐKC 49.2	Bồi thường thiệt hại: Áp dụng. - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: không áp dụng.
	E. Kết thúc hợp đồng
E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày thi công xong công trình

E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày thi công xong công trình.
E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: 50.000.000 đồng
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 15 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.